

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/DS - PT
Ngày 22-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hữu Bình

Bà Huỳnh Ái Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Thia - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp T, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà K, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Ông H là bị đơn.

- Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà H trình bày:

Vào ngày 25/6/2015, Ông H có vay của bà số tiền 250.000.000 đồng (số tiền này bà vay của ngân hàng để cho ông H vay lại), ông H hứa đóng lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng ông H ghi trong biên nhận là trả hàng tháng 3.000.000 đồng cho đến hết. Ngày 30/01/2016, ông H tiếp tục vay của bà 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Cả hai lần vay này đều có làm biên nhận, từ khi vay cho đến nay ông H không đóng lãi và cũng không trả vốn. Bà thừa nhận vào ngày 09/3/2016, ông H có chuyển nhượng cho bà diện tích đất 2.000m², thửa đất 529, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp T, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá 300.000.000 đồng (trong hợp đồng chỉ ghi 100.000.000 đồng), hai bên đã làm xong thủ tục và bà đã được cấp quyền sử dụng thửa đất này. Việc chuyển nhượng này bà đã trả tiền cho ông H chứ không có trừ vào tiền nợ vay mà ông H thiếu bà như ông H khai.

Vào năm 2018, bà có yêu cầu Ban nhân ấp T, xã Ph giải quyết 03 khoản tiền mà vợ chồng ông H còn nợ bà gồm:

- Tiền dũa 17.600.000 đồng, đây là khoản tiền ông H hái dũa trên thửa đất 529 mà ông H đã chuyển nhượng cho bà. Do bà ở xa nên bà có thỏa thuận để cho ông H hái dũa bán, hàng tháng giao lại tiền dũa cho bà là 800.000 đồng. Tính đến thời điểm hòa giải ở ấp là 22 tháng x 800.000 đồng/tháng = 17.600.000 đồng. Số tiền này cũng đã được Tòa án giải quyết và vợ chồng ông H đã trả được cho bà số tiền 17.000.000 đồng.

- Tiền mua xe 6.000.000 đồng: Đây là tiền bà bán chiếc xe Wave cho ông H. Số tiền này cũng đã được Tòa án giải quyết xong.

- Tiền vay 15.000.000 đồng theo biên nhận 30/01/2016, đây là tiền ông H vay để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 529 mà ông H thế chấp tại Quỹ tín dụng để chuyển nhượng lại cho bà.

Nay bà yêu cầu Ông H (không yêu cầu Bà K) trả cho bà hai khoản tiền vay gồm:

+ Số tiền vốn gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2015 đến ngày 25/6/2019, theo mức lãi suất 10%/năm là 100.000.000 đồng.

+ Số tiền vốn gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/6/2015 đến ngày 15/9/2019, theo mức lãi suất 10%/năm là 4.500.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản là 369.500.000 đồng (trong đó vốn gốc là 265.000.000 đồng, lãi là 104.500.000 đồng) và tiền lãi cho đến ngày giải quyết xong vụ án.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông H trình bày:

Vào khoảng năm 2012, khi ông làm công trình bệnh viện Sản nhi Trà Vinh, ông có quen biết bà với bà H và có vay của bà H 6.000.000 đồng, trả lãi một ngày 6.000đồng/01 triệu đồng. Sau đó từ từ ông có vay thêm số tiền lên đến 15.000.000 triệu đồng và sau đó ông có vay tiếp số tiền khoảng 20.000.000 đồng. Hai bên giao dịch khoảng 02 năm thì lúc này công trình bệnh viện Sản nhi hoàn thành, lúc này ông còn nợ bà H số tiền vốn 20.000.000 đồng. Khoảng giữa năm 2013, do công việc làm ăn không thuận lợi, vợ ông bị bệnh nên ông không đóng lãi cho bà H. Cho đến năm 2015 thì bà tính tiền vốn và lãi lên đến 250.000.000 đồng và yêu cầu ông trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Sau đó bà H yêu cầu

ông chuyển nhượng 02 công đất thửa 529 để trừ số nợ trên và cho ông thời hạn 01 năm để chuộc lại thửa đất trên nếu không chuộc thì bà H sẽ sang nhượng cho người khác; ông đồng ý và đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà H để trừ số nợ trên. Khi làm thủ tục để chuyển nhượng thửa đất 529 cho bà H, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông thế chấp Quỹ tín dụng nên bà H có cho ông mượn số tiền 15.000.0000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có làm biên nhận ngày 30/01/2016. Đối với biên nhận nợ số tiền 250.000.000 đồng ngày 25/6/2015 ông thừa nhận là do ông viết. Nay bà H yêu cầu ông trả số tiền 369.500.000 đồng (trong đó 265.000.000 đồng vốn gốc và 104.500.000 đồng tiền lãi) ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà K thống nhất như lời trình bày của bị đơn Ông H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166, 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H. Buộc Ông H phải hoàn trả cho Bà H số tiền 364.448.600 đồng. Trong đó, nợ gốc 265.000.000 đồng, nợ lãi 99.448.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, Ông H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà H yêu cầu ông trả số tiền vay 265.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Ngày 08/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long kháng nghị bản án sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long theo hướng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Bà H không rút yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Ông H giữ nguyên đơn kháng cáo, ông thừa nhận còn nợ bà H số tiền 15.000.000 đồng của biên nhận nợ ngày 30/01/2016 và đồng ý trả số tiền trên và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho bà H.

Vị Kiểm sát viên rút lại một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long: Rút lại phần kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên là vi phạm tố tụng; rút lại phần kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ về mặt nội dung vụ án; rút lại phần kháng nghị về lãi suất.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở khẳng định Ông H đã chuyển nhượng thửa đất 529 cho Bà H để trừ số tiền nợ 250.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông H thừa nhận còn nợ bà H số tiền 15.000.000 đồng của biên nhận nợ ngày 30/01/2016 và đồng ý trả số tiền trên và lãi phát sinh theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông H trả cho bà H số tiền 15.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định pháp luật; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông H trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Ông H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông H thừa nhận biên nhận nợ ngày 25/6/2015 với số tiền 250.000.000 đồng và biên nhận nợ ngày 30/01/2016 với số tiền 15.000.000 đồng là do ông viết nên có cơ sở khẳng định ông H có nợ bà H hai khoản tiền trên. Tuy nhiên, ông H cho rằng vào năm 2016 ông đã chuyển nhượng thửa đất 529, diện tích 2.000 m², tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp T, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh để trừ số tiền nợ 250.000.000 đồng. Xét lời khai nay của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai này của ông H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vào năm 2018 bà H có đòi nợ ông H gồm các khoản: tiền mượn 15.000.000 của biên nhận nợ ngày 30/01/2016, tiền nợ mua xe 6.000.000 đồng, tiền dữa 17.600.000 đồng và bà H có yêu cầu chính quyền ấp T, xã Ph, huyện C hòa giải. Tại cuộc hòa giải ngày 21/3/2018, thành viên ban hòa giải gồm: Ông T(*Bí thư chi bộ, kiêm Trưởng ban nhân dân ấp*), ông A(*Trưởng ban Mặt trận ấp*), (*Chi hội trưởng Hội nông dân*), ông D(*Chi hội trưởng Hội cựu chiến binh ấp*), bà S(*Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp*) đều thừa nhận có nghe bà H nói là ông H có bán đất cho bà để trừ nợ nhưng nợ bao nhiêu thì không rõ (Bút lục 48 - 66).

[3] Cùng là hai khoản tiền nợ, nếu đến năm 2018 ông H còn nợ khoản tiền 250.000.000 đồng, sao bà H không yêu cầu ông H trả luôn khoản tiền nợ 250.000.000 đồng này mà chỉ đòi số tiền 15.000.000 đồng. Việc bà H cho rằng do khi yêu cầu Tổ hòa giải áp Thiện Chánh hòa giải số tiền nợ 250.000.000 đồng, Tổ hòa giải áp nói do nợ có biên nhận nên không hòa giải mà kêu bà khởi kiện tại Tòa án nên bà không yêu cầu giải quyết tại cuộc hòa giải ngày 21/3/2018. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai này của bà H có sự mâu thuẫn, nếu như bà cho rằng Tổ hòa giải áp nói khoản nợ 250.000.000 đồng có biên nhận nên Tổ hòa giải áp không hòa giải nên bà không yêu cầu tại cuộc hòa giải ngày 21/3/2018 thì tại sao khoản nợ 15.000.000 đồng cũng có biên nhận sao bà lại yêu cầu. Trong khi đó, qua xác minh, Tổ hòa giải áp Thiện Chánh đều cho rằng bà H không có yêu cầu giải quyết số tiền 250.000.000 đồng và Tổ hòa giải áp cũng không có nói như bà H khai (Bút lục 48 - 66). Từ đó cho thấy, vào thời điểm Tổ hòa giải áp Thiện Chánh hòa giải (ngày 21/3/2018) ông H không còn nợ khoản tiền 250.000.000 đồng nên bà H mới không yêu cầu số tiền này tại buổi hòa giải ngày 21/3/2018 mà chỉ yêu cầu Tổ hòa giải áp Thiện Chánh hòa giải số tiền nợ 15.000.000 đồng mà ông H vay ngày 30/01/2016.

[4] Đối với lời khai của bà H là bà có mượn của ông Đ số tiền 300.000.000 đồng và ông Đ thừa nhận có cho bà H mượn số tiền trên để bà chứng minh là bà có đưa tiền mặt 300.000.000 đồng cho ông H khi nhận chuyển nhượng thửa đất 529. Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai này của bà H và ông Đ chỉ là lời khai một phía, nên không thể dựa vào lời khai này mà cho rằng bà H đã đưa cho ông H số tiền 300.000.000 đồng.

[5] Cũng cần thấy rằng, thông thường khi mua đất, người mua phải xuất phát từ nhu cầu thực tế, sự thuận lợi trong việc quản lý, sử dụng hoặc xuất phát từ lợi nhuận. Trong khi đó, bà H thì cự ngụ ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, còn thửa đất 529 của ông H thì tọa lạc ấp T, xã Ph, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì không thuận lợi cho bà H trong việc quản lý, sử dụng. Còn nếu vì lợi nhuận mà bà H nhận chuyển nhượng thửa đất trên thì tại sao bà H mua với giá 300.000.000 đồng nhưng bà chuyển nhượng lại cho ông H với giá 70.000.000 đồng/1.000m². Tại sao nhận chuyển nhượng rồi lại có việc thỏa thuận là cho ông H chuộc lại đất. Ngoài ra, số tiền 300.000.000 đồng không phải là số tiền nhỏ nhưng tại sao khi giao cho ông H, bà H không làm biên nhận. Điều này càng khẳng định việc ông H chuyển nhượng thửa đất 529 là để trừ số nợ 250.000.000 đồng cho bà H.

[6] Đối với số tiền 15.000.000 đồng của biên nhận nợ ngày 30/01/2016, tại phiên tòa hôm nay ông H thừa nhận còn nợ bà H số tiền này. Tại biên bản hòa giải 21/3/2018 của Tổ hòa giải áp Thiện Chánh, xã Phương Thạnh, giữa bà H và ông H thỏa thuận đến ngày 15/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 30/4/2018 dương lịch) ông H có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà H, đây là trường hợp hai bên thỏa thuận lại khoản nợ này nên Tòa án áp dụng những điều luật quy định về hợp đồng vay của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Theo đó, ông H có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/4/2018 (nhằm ngày 15/3/2018 âm lịch) đến ngày 22/12/2021 với số tiền là 5.466.250 đồng (15.000.000 đồng x 10%/năm x 43,73 tháng).

[7] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Ông H; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, chấp nhận ý kiến của vị Kiểm sát viên, sửa bản sơ thẩm.

[8] Về án phí sơ thẩm: Do số tiền 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 100.000.000 đồng mà bà Hyêu cầu ông H trả không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà H phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận này là 17.500.000 đồng (350.000.000 đồng x 5%) nhưng được trừ vào 9.238.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0007395 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, số tiền còn lại 8.262.000 đồng Bà H phải nộp tiếp. Ông H phải chịu số tiền án phí là 1.023.312 đồng (20.466.250 đồng x 5%).

[9] Về án phí phúc thẩm: Ông H không phải chịu, hoàn trả lại cho ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng phúc thẩm theo biên lai số 0006406 ngày 14/6/2021.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông H.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS - ST ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà H.

Buộc Ông H trả cho Bà H số tiền 20.466.250 đồng. Trong đó, nợ gốc 15.000.000 đồng, nợ lãi 5.466.250 đồng (tính từ ngày 30/4/2018 đến ngày 22/12/2021).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H yêu cầu Ông H trả cho bà số tiền 250.000.000 đồng của biên nhận nợ ngày 26/5/2015 và 100.000.000 đồng tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông H phải chịu 1.023.312 đồng (20.466.250 đồng x 5%). Buộc Bà H phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 9.238.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0007395 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, số tiền còn lại 8.262.000 đồng Bà H phải nộp tiếp.

4. Về án phí phúc thẩm: Ông H không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông H 300.000 đồng tiền tạm ứng phúc thẩm theo biên lai số: 0006406 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh.
- TAND huyện Càng Long.
- Chi cục THADS huyện Càng Long.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Hùng